

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

HOÀNG TUÂN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Quản lý hành chính công

Mã số: 62 34 82 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG

Hà Nội - năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS. TS Đinh Văn Tiến

2. TS Lương Minh Việt

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện họp tại Học viện Hành chính Quốc gia

Vào hồi:..... giờ, ngày..... tháng năm 2016

Có thể tìm luận án tại Thư viện Quốc gia và Thư viện Học viện Hành chính Quốc gia

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Về lý luận

Cổ phần hóa DNNN là một nội dung cơ bản của công tác sắp xếp, đổi mới DNNN. Cổ phần hóa sẽ làm đa dạng hóa sở hữu đối với tài sản của DNNN, tác động đến QHSX trên cả 3 phương diện: sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền quản lý, quyền phân phối sản phẩm. Đây là nội dung cơ bản trong kinh tế học mà nhiều học giả rất quan tâm nghiên cứu.

Do quá trình chuyển từ việc chỉ quản lý doanh nghiệp có 01 chủ sở hữu (Nhà nước) sang quản lý đối với doanh nghiệp đa sở hữu (các cổ đông) vì thế cần tăng cường nghiên cứu khoa học về vai trò quản lý của Nhà nước đối với cổ phần hóa.

Việc thay đổi hình thức sở hữu khi cổ phần hóa DNNN, trong đó có quyền phân phối sản phẩm sang nguyên tắc phân phối theo lao động của kinh tế học trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đặt ra vấn đề cần nghiên cứu sâu về quá trình này.

1.2. Về thực tiễn

Quá trình cổ phần hóa DNNN đã được Đảng và Nhà nước ta triển khai từ hàng chục năm nay. Trong đó, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy và thực hiện các biện pháp để triển khai CPH nhưng việc thực hiện vẫn còn chậm, nhiều lúng túng và bất cập.

Mục tiêu của CPH là đổi mới DNNN, thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển, điều đó đặt ra việc cần giải quyết vấn đề này trong thực tiễn.

Thủ đô là đầu não, là trung tâm chính trị- kinh tế- văn hóa của cả nước, việc nghiên cứu quá trình CPH DNNN của Thành phố sẽ góp phần đưa ra các giải pháp tổng thể đẩy nhanh quá trình CPH và hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN trên phạm vi cả nước.

Đã có một vài đề tài trong nước đề cập đến CPH DNNN của một số Bộ, ngành Trung ương, song mới chỉ tập trung vào việc xây dựng phương pháp luận và hướng tới hoàn thiện hệ thống các văn bản, chính sách chế độ của Nhà nước. Cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện và có hệ thống đối với công tác QLNN về CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội.

Từ sự cần thiết trên đây, nghiên cứu sinh đã triển khai nghiên cứu đề tài có tên: ***“Quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”***.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là làm rõ khung lý thuyết về QLNN đối với CPH DNNN; thực trạng QLNN đối với CPH DNNN trực thuộc thành phố Hà Nội hiện nay và đề xuất giải pháp để hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN trong tương lai.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Xây dựng một khung lý luận nghiên cứu về cổ phần hóa DNNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Phân tích thực trạng công tác quản lý nhà nước về cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Xây dựng những quan điểm, định hướng, giải pháp, góp phần đẩy mạnh CPH và hoàn thiện QLNN về CPH DNNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng, khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Hệ thống hóa lý luận và nội dung quản lý khoa học đối với quá trình CPH và QLNN về CPH doanh nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.

Khách thể nghiên cứu: Quá trình cổ phần hóa các DNNN do thành phố Hà Nội thành lập và quản lý.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: nghiên cứu quá trình cổ phần hóa và quản lý nhà nước về cổ phần hóa các DNNN do thành phố Hà Nội thành lập, quản lý.

Về không gian: nghiên cứu quá trình CPH và QLNN về CPH đối với DNNN do Thành phố Hà Nội thành lập và quản lý (*không nghiên cứu các DNNN Trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội; không nghiên cứu đối với các loại hình DN khác được thành lập theo mô hình CTCP*).

Về thời gian: nghiên cứu việc CPH DNNN của thành phố từ năm 1991 trở lại đây (thời điểm cả nước bắt đầu triển khai CPH) để từ đó có bức tranh đánh giá toàn diện về quá trình CPH và kế hoạch những năm tới, gắn với quá trình đổi mới, hội nhập trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân.

Địa điểm nghiên cứu: tại các viện, trường, cơ quan QLNN về tài chính doanh nghiệp, các doanh nghiệp.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp chủ yếu để nghiên cứu như: duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phân tích tổng hợp, lô- gíc học, đối chiếu, so sánh, khảo nghiệm thực tiễn, kế thừa khoa học, phỏng vấn.

5. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu

5.1. Giả thuyết khoa học

Số lượng, chất lượng CPH các DNNN tại thành phố Hà Nội chưa đáp ứng yêu cầu đề ra là do thiếu các biện pháp QLNN hiệu quả, phù hợp với đặc thù của Hà Nội. Do vậy, nếu đề xuất, thiết kế được các biện pháp QLNN phù hợp với đặc thù địa phương thì có thể giúp nâng cao chất lượng CPH các DNNN của Thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

5.2. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, Khái niệm QLNN về CPH DNNN ? Tại sao phải hoàn thiện QLNN về CPH DNNN thuộc TP Hà Nội ?

Thứ hai, QLNN đối với cổ phần hóa DNNN thuộc TP Hà Nội gồm những nội dung gì ? Đã đạt được những kết quả gì, hạn chế và nguyên nhân?

Thứ ba, Các tiêu chí đánh giá kết quả QLNN về CPH DNNN ? Nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về CPH ?

Thứ tư, Giải pháp (*trong đó có giải pháp đặc thù*) nhằm thúc đẩy việc cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội trong thời gian tới ?

Thứ năm, Biện pháp hoàn thiện QLNN về cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội ? Cần có những điều kiện gì để thực hiện thành công biện pháp đó ?

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về CPH DNNN; đưa ra khái niệm, quan niệm QLNN về CPH DNNN. Xác định theo hệ thống các nội dung QLNN về CPH.

Phân tích quá trình tất yếu phải CPH DNNN, khẳng định CTCP là mô hình DN có phương thức huy động, sử dụng vốn mang lại hiệu quả tối ưu.

Luận án đã làm rõ thực trạng quá trình CPH và công tác QLNN về CPH, từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tình trạng này.

Xây dựng hệ thống các giải pháp để thúc đẩy quá trình CPH và hoàn thiện QLNN về CPH DNNN trực thuộc thành phố Hà Nội.

Bản luận án hoàn chỉnh trong đó có hệ thống cơ sở lý luận, khoa học và những đề xuất, giải pháp có tính thực tiễn để đổi mới công tác QLNN đối với CPH.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được bố trí thành 03 chương.

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Tóm tắt tình hình nghiên cứu

1.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Qua một số quan điểm của các nhà khoa học, học giả nước ngoài cho thấy, các tác giả nhất trí cần duy trì DNNN trong nền kinh tế thị trường, tuy tỏ rõ sự nghi ngờ về hiệu quả hoạt động của DNNN. Một số kiến nghị thu hút được sự chú ý là tách tổ chức quản lý DNNN ra khỏi bộ máy quản lý hành chính để hình thành các cơ quan điều tiết độc lập. Nhìn chung, các học giả kiến nghị kiểm soát chặt chẽ DNNN bằng luật đi đôi với mở rộng không gian cho giới quản lý DNNN.

1.2. Các nghiên cứu trong nước

Các công trình, bài viết trong nước đã nêu sự cần thiết phải tái cấu trúc DNNN (trong đó có cổ phần hóa), tuy vậy chưa làm rõ vai trò của tái cấu trúc DNNN là góp phần nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động.

2. Nhận định về kết quả nghiên cứu tổng quan và những vấn đề cần tiếp tục làm rõ trong luận án

Qua nghiên cứu các công trình nước ngoài, các luận án, sách, bài viết trong nước, nghiên cứu sinh xin tóm tắt thành 03 nhóm gồm:

- *Nhóm thứ nhất:* Các nghiên cứu lý luận về cổ phần hóa và đổi mới DNNN
- *Nhóm thứ hai:* Nghiên cứu kinh nghiệm, kết quả của cổ phần hóa DNNN
- *Nhóm thứ ba:* Nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy quá trình cổ phần hóa DNNN.

Một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và khẳng định trong luận án:

1. Vấn đề khoa học về CPH DNNN;
2. Đưa ra phương pháp quản lý mới phù hợp với cơ chế QLNN để công tác CPH đạt hiệu quả cao;
3. Luận án có nhiệm vụ cụ thể:
 - Hệ thống và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về CPH DNNN trong nền kinh tế Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng tình hình CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội cũng như thực trạng QLNN để chỉ ra những kết quả đã đạt được, những mặt tồn tại, thiếu sót, những cản trở và nguyên nhân.

- Đề xuất một số quan điểm, mô hình, điều kiện, giải pháp QLNN hiệu quả đối với công tác CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG I CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QLNN ĐỐI VỚI CPH DNNN

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CPH DNNN

1.1.1. Những vấn đề chung về DNNN và CTCP

1.1.1.1. Doanh nghiệp nhà nước

Khái niệm DNNN

- Định nghĩa theo Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc;

- Quy định về DNNN của Tổ chức thương mại thế giới WTO.

Đặc điểm của DNNN: về chủ đầu tư; sở hữu vốn; trách nhiệm tài sản; tư cách pháp lý và luật áp dụng.

Vai trò của doanh nghiệp nhà nước: Thứ nhất, chi phối các lĩnh vực kinh tế quan trọng; Thứ hai, DNNN là động lực cho sự phát triển của các DN khác; Thứ ba, DNNN là nguồn lực vật chất chủ yếu của Nhà nước; Thứ tư, DNNN là mẫu mực trong việc giải quyết các chính sách xã hội.

1.1.1.2. Công ty cổ phần

Khái niệm CTCP

Đặc điểm của CTCP: có 06 đặc điểm.

Hình thái CTCP trên thế giới: Hình thái CTCP ra đời đã lần lượt chiếm lĩnh hết ngành này sang ngành khác, ngày càng được hoàn thiện, phát triển và đa dạng hóa.

Vai trò của công ty cổ phần: có 04 vai trò.

1.1.2. Cổ phần hóa DNNN

1.1.2.1. Khái niệm và bản chất

Khái niệm: CPH DNNN là quá trình chuyển đổi sở hữu từ DN mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang DN đa sở hữu.

Bản chất của CPH DNNN: được trình bày trên 03 giác độ: xét ở bản chất pháp lý; xét về mặt hình thức và xét về mặt thực chất.

1.1.2.2 Tính tất yếu khách quan của CPH DNNN: CPH DNNN phù hợp với quy luật phát triển và xu hướng trên thế giới; Do tính ưu việt của loại hình CTCP so với các loại hình DN khác; Yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các DNNN trong nền kinh tế; Ngân sách nhà nước của các quốc gia ngày càng hạn hẹp.

1.1.2.3. Các phương thức CPH trên thế giới: Bán cổ phần cho những người quản lý và lao động trong DN; Bán cổ phần cho công chúng; Bán cổ phần cho tư nhân.

1.1.2.4. Các tác động của CPH DNNN đến nền kinh tế- xã hội

CPH với tăng trưởng kinh tế: CPH sẽ sàng lọc và đào thải những DN kém hiệu quả và do đó, tạo ra động lực phát triển. Thông qua việc phát hành cổ phiếu, DN sẽ dễ dàng thu hút các nguồn vốn trong xã hội.

CPH với sự phát triển của thị trường chứng khoán: Thứ nhất, sự tồn tại của TTCK làm tăng số lượng cổ đông tiềm tàng cho các DNNN CPH. Thứ hai, các công ty

chứng khoán đóng vai trò lớn trong việc trợ giúp DNNN đã CPH ở khía cạnh tư vấn, bảo lãnh phát hành cổ phần. *Thứ ba*, sự tham gia vào TTCK buộc các CTCP phải thực hiện chế độ tài chính.

CPH với các vấn đề xã hội: Một trong những đối tượng chịu tác động trực tiếp của CPH là người lao động; Sự tiềm ẩn trong nó khả năng phân hoá xã hội và gia tăng khoảng cách giàu nghèo; Công cuộc CPH DNNN còn có tác dụng trong việc đẩy lùi tình trạng lãng phí, tham nhũng; CPH là giải pháp tích cực để nâng cao dân chủ và công bằng xã hội.

Tác động tích cực của CPH DNNN đến hoạt động kinh doanh của DN: CPH huy động thêm vốn của xã hội đầu tư vào hoạt động SXKD; CPH tạo ra DN có nhiều chủ sở hữu; CTCP tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ DN; CTCP tạo cho DN cơ chế quản lý năng động, linh hoạt.

1.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CPH DNNN

1.2.1. Quan niệm về quản lý nhà nước

1.2.1.1. Vai trò của Nhà nước đối với nền kinh tế từ một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại: QLNN theo quan điểm của các trường phái đã chỉ ra tính quy luật của sự biến đổi các quan niệm về vai trò của Nhà nước đối với kinh tế thị trường và nguyên lý cân bằng, hài hoà trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và Nhà nước.

1.2.1.2. Quan điểm quản lý nhà nước đối với CPH DNNN: *Thứ nhất*, Nhà nước phát huy vai trò thúc đẩy hoạt động CPH DNNN có hiệu quả, góp phần cải thiện phát triển kinh tế-xã hội; *Thứ hai*, Nhà nước tạo điều kiện và môi trường thuận lợi về mọi mặt nhằm thúc đẩy quá trình CPH DNNN; *Thứ ba*, Nhà nước tác động vào quá trình CPH trong một mức độ cần thiết theo những nguyên tắc phù hợp với sự vận động của các quy luật trong nền KTTT.

1.2.2. Khái niệm, sự cần thiết và yêu cầu của QLNN về CPH DNNN

1.2.2.1. Khái niệm: Sự tác động có tổ chức, có định hướng và mang tính quyền lực nhà nước của các quan QLNN đến hoạt động CPH DNNN bằng những phương pháp và công cụ quản lý nhằm thúc đẩy quá trình CPH có hiệu quả, đạt được mục tiêu sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu DNNN, góp phần phát triển kinh tế-xã hội bền vững.

1.2.2.2. Sự cần thiết: *Một là*, đối tượng CPH là tài sản của Nhà nước; *Hai là*, tài sản CPH được quản lý theo chế độ đa cấp; *Ba là*, việc CPH DNNN không đơn thuần là vấn đề kinh tế - tài chính, mà còn là vấn đề chính trị - xã hội.

1.2.2.3. Yêu cầu: Hình thức được chọn thích hợp với đối tượng cần xử lý; Thực thi nhanh chóng, kịp thời, ngay sau khi có chủ trương; Việc CPH phải được tiến hành công khai, minh bạch; Việc CPH phải được ghi nhận bằng văn bản pháp lý thống nhất; Nhà nước phải có trách nhiệm với quyền lợi của người lao động và các cổ đông.

1.2.3. Nội dung của quản lý nhà nước đối với CPH DNNN

1.2.3.1. Xây dựng chương trình mục tiêu về CPH DNNN: gồm xác định mục tiêu, phạm vi CPH DNNN; cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch, lộ trình CPH DNNN.

1.2.3.2. Tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về CPH DNNN: gồm bộ máy, nhân lực để CPH; kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật trong quá trình CPH; xử lý các vấn đề liên quan đến thực thi chính sách CPH; nguồn tài chính công.

1.2.3.3. Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu về CPH DNNN: gồm công tác tư tưởng, tuyên truyền; những kết quả mang tính định lượng; tác động của cổ phần hoá đối với hiệu quả SXKD; bộ máy quản lý nhà nước đối với CPH.

1.2.4. Tiêu chí đánh giá kết quả QLNN về cổ phần hóa DNNN

1.2.4.1. Tiêu chí cân đối về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình CPH: Đòi hỏi sự cân đối về quyền và nghĩa vụ giữa các DNNN trong diện CPH và người lao động, các cổ đông

1.2.4.2. Tiêu chí ổn định về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp lý: Sự ổn định về định hướng, pháp lý và đảm bảo hài hòa lợi ích. Pháp luật liên quan đến CPH phải cụ thể, rõ ràng, ít điều chỉnh, bổ sung.

1.2.4.3. Tiêu chí mức độ tuân thủ pháp luật và hiện thực quyền lực nhà nước: Đánh giá hiệu lực QLNN qua mức độ tuân thủ các quy định pháp luật; Đánh giá hiệu lực QLNN qua mức độ hiện thực quyền lực nhà nước.

1.2.4.4. Tiêu chí hiệu quả và phù hợp: Phản ánh kết quả hoạt động với mức tối đa và chi phí ở mức tối thiểu. Hiệu quả QLNN được đánh giá bằng mức độ đạt được của nội dung so với các mục tiêu đặt ra. Sự phù hợp của các mục tiêu định hướng; các quy định của pháp luật có nội dung bên trong phù hợp nhau...

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về CPH DNNN

1.2.5.1. Nhân tố khách quan: Sự phát triển kinh tế- xã hội và cơ chế chính sách; Trình độ phát triển của thị trường và quy mô khu vực kinh tế tư nhân; Nhân tố thay đổi trong bản chất hoạt động kinh doanh.

1.2.5.2. Nhân tố chủ quan: Lựa chọn công cụ QLNN và hỗ trợ của Nhà nước về CPH; Sự tuân thủ, chấp hành pháp luật về QLNN đối với CPH DNNN; Nguồn tài chính công và quản trị doanh nghiệp

1.3. KINH NGHIỆM VỀ QLNN ĐỐI VỚI CỔ PHẦN HÓA

1.3.1. Kinh nghiệm của nước ngoài

1.3.1.1. Kinh nghiệm của nước Anh: Được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau: tổ chức bán đấu giá cổ phiếu của DNNN cho những ai muốn mua thông qua sở giao dịch chứng khoán; bán một phần vốn cố định của DNNN cho một nhóm cá nhân hoặc công ty tư nhân; bán cổ phiếu cho cán bộ quản lý và công nhân trong doanh nghiệp.

1.3.1.2. Kinh nghiệm cổ phần hóa tại Mexico: Chính phủ Mexico đã đặt chương trình CPH như là biện pháp khắc phục quan điểm hướng nội và quá trình quốc hữu hóa ở ạt. Mexico tiến hành CPH các xí nghiệp quốc doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Khi đã đạt quy mô nhất định mới chuyển sang lĩnh vực độc quyền của Nhà nước.

1.3.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Các biện pháp CPH bao gồm:

- Bán một phần GTDN cho các cá nhân, tổ chức ngoài DN trong đó Nhà nước nắm cổ phần khống chế.

- Bán phần lớn giá trị tài sản của DNNN thông qua bán cổ phiếu cho mọi đối tượng, trong đó Nhà nước là một cổ đông không nắm cổ phần khống chế.

- Bán toàn bộ DNNN cho tư nhân để hình thành các công ty tư nhân hoặc các CTCP.

- Giữ nguyên vốn nhà nước và gọi thêm vốn của các cổ đông khác để chuyển thành CTCP.

- Nhà nước góp vốn với tư nhân để hình thành CTCP mới.

1.3.4.4. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hàn Quốc trong quá trình phi quốc doanh hóa khác với các nước khác là không quan tâm nhiều vào việc thâm thủng hay thua lỗ của các xí nghiệp quốc doanh. Một kinh nghiệm nữa của Hàn Quốc về các doanh nghiệp tư nhân là Chính phủ đã chia sẻ đầy đủ trách nhiệm với sự phát triển đất nước.

1.3.2. Kinh nghiệm của một số cơ quan, địa phương trong nước

1.3.2.1. Kinh nghiệm tại Bộ Giao thông- Vận tải: đã chỉ đạo các DN xây dựng phương án CPH theo hướng Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối, đồng thời, kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực tham gia làm cổ đông chiến lược.

1.3.2.2. Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh: Thành phố đã tích cực kiểm tra, đôn đốc các công ty tư vấn bảo đảm tiến độ tư vấn CPH DN theo nội dung hợp đồng ký kết. Phân công Ban đổi mới quản lý DN cùng các Sở, ngành xác định GTDN. Phản ánh các vướng mắc, khó khăn để chỉ đạo kịp thời.

1.3.3. Bài học rút ra cho Việt Nam và thành phố Hà Nội

1.3.3.1. Đối với Việt Nam: Tính phổ biến của quá trình CPH; Tính đặc thù của quá trình CPH; Tính chiến lược của quá trình CPH; CPH DNNN gồm nhiều giai đoạn; Môi trường pháp lý của việc thực hiện CPH.

1.3.3.2. Đối với thành phố Hà Nội

Thứ nhất, việc sắp xếp, đổi mới DNNN cần được thực hiện đồng bộ.

Thứ hai, phải bám sát thực tiễn, nắm bắt, đề xuất kịp thời các cơ chế, chính sách để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Thứ ba, phải có sự phối hợp giữa các Bộ, ngành ở Trung ương và chính quyền, các Sở, ban, ngành ở địa phương.

Thứ tư, lãnh đạo Thành phố và các Sở, ngành cần thường xuyên vào cuộc, chỉ đạo quyết liệt, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác CPH .

Thứ năm, xác định rõ vai trò, trách nhiệm cá nhân; có sự hỗ trợ từ NSNN trong giải quyết các vấn đề CPH.

TIỂU KẾT CHƯƠNG I

Chương I đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về cổ phần hóa và quản lý nhà nước đối với quá trình cổ phần hóa DNNN; nêu khái niệm cổ phần hóa DNNN từ đó làm rõ bản chất của CPH.

Phần đầu đã nêu tính tất yếu khách quan của việc cổ phần hóa DNNN, việc CPH DNNN là phù hợp với quy luật phát triển, xu hướng trên thế giới và do có sự thay đổi về vai trò của Nhà nước trong nền KTTT. Ngoài ra còn xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các DN trong nền kinh tế nước ta.

CPH DNNN là một trong những hướng quan trọng của quá trình cải cách DNNN. Trong quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta, điều đó đặt ra vấn đề phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và từng bước xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Để giải phóng LLSX, tất yếu phải phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự định hướng của Nhà nước, muốn vậy cần phải đổi mới mạnh mẽ các DNNN. Theo hướng đó, sau nhiều năm tìm tòi và thử nghiệm trong thực tế, Đảng ta đã lựa chọn cổ phần hóa như một phương thức có hiệu quả để đổi mới các DNNN.

Từ khái niệm DNNN, CTCP và CPH DNNN, tác giả đã trình bày bản chất, tính tất yếu khách quan, các phương thức thực hiện và tác động của CPH DNNN.

Tác giả đã cố gắng làm rõ quan niệm về QLNN, trình bày vai trò của Nhà nước đối với nền kinh tế nói chung và quan điểm QLNN đối với CPH DNNN. Nêu khái niệm, sự cần thiết và những yêu cầu của QLNN về cổ phần hóa DNNN.

Đáng chú ý, các nội dung của QLNN đối với cổ phần hóa DNNN được xác định gồm: xây dựng chương trình mục tiêu về CPH DNNN; tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về cổ phần hóa và kết quả chương trình mục tiêu về CPH DNNN.

Các tiêu chí đánh giá kết quả QLNN về cổ phần hóa DNNN là tiêu chí cân đối về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình cổ phần hóa; tiêu chí ổn định về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp lý; tiêu chí mức độ tuân thủ pháp luật và hiện thực quyền lực nhà nước; tiêu chí hiệu quả và phù hợp.

Tác giả đã nêu các nhân tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng tới quá trình CPH, sưu tầm một số kinh nghiệm cổ phần hóa ở các nước trên thế giới và Bộ, ngành, địa phương trong nước để rút ra bài học, vận dụng vào điều kiện cụ thể của quá trình QLNN đối với CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội quản lý.

Từ các nội dung của Chương I sẽ làm cơ sở cho tác giả đi sâu phân tích thực trạng QLNN đối với CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội ở Chương II.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DNNN TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. TỔNG QUAN VỀ CPH DNNN Ở VIỆT NAM

2.1.1. Tại sao Việt Nam phải thực hiện CPH DNNN

2.1.1.1. Khái niệm DNNN theo quy định của Việt Nam: Khái niệm DNNN theo Luật DNNN 1995; Khái niệm DNNN theo Luật DNNN 2003; Khái niệm DNNN theo Luật Doanh nghiệp 2014.

2.1.1.2. Lý do Việt Nam phải thực hiện CPH DNNN: CPH góp phần thực hiện chủ trương đa dạng hóa các hình thức sở hữu; CPH nhằm xã hội hóa lực lượng sản xuất, thu hút thêm nguồn lực sản xuất; CPH làm hình thành và thúc đẩy TTCK, thu hút được nguồn vốn nhân rồi trong xã hội; CPH tác động đến đổi mới quản lý kinh tế cả ở tầm vĩ mô và vi mô; CPH là giải pháp quan trọng để tái cơ cấu nền kinh tế.

2.1.2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa

- Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX ngày 22/8/2001 về “*Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của DNNN*”;

- Kết luận số 10-KL/TW ngày 18/10/2011 của BCH Trung ương, trong đó “*Tái cấu trúc DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước*”;

- Kết luận số 50-KL/TW ngày 29/10/2012 (Hội nghị TW 6) về Đề án “*Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN*”;

- Kết luận số 103-KL/TW ngày 29/9/2014 của Bộ Chính trị, trong đó xác định đẩy mạnh CPH DNNN theo nguyên tắc thị trường;

- Quốc hội ban hành Nghị quyết số 10/2011/QH13 về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2011-2015, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công và DNNN. Ban hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào SXKD tại doanh nghiệp số 69/2014/QH-13 ngày 26/11/2014 và Luật DN sửa đổi.

Chính phủ và các Bộ, ngành đã có các chương trình hành động, kế hoạch đồng bộ, tập trung hoàn thiện cơ bản hệ thống văn bản pháp luật phục vụ tái cơ cấu, tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động (*trong đó có CPH*) của DNNN.

2.1.3. Kết quả CPH DNNN ở Việt Nam

2.1.3.1. Kết quả

Tính đến 30/12/2015 cả nước đã thực hiện sắp xếp được hơn 7.000 DNNN, trong đó CPH là 4.303 doanh nghiệp (*gồm 3.886 DN và 415 bộ phận DN*).

Số DNNN được CPH trong 5 năm trở lại đây là 478 DN, trong đó: năm 2011 CPH 12 DN; năm 2012: 13 DN; năm 2013: 74 DN; năm 2014: 143 DN và năm 2015: 236 DN.

Tiến trình CPH DNNN ở Việt Nam trong những năm qua có thể tóm tắt bằng một số kết quả sau: DNNN được sắp xếp lại một bước quan trọng, cơ bản tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt, quan trọng mà Nhà nước cần nắm giữ; CPH đã bám sát tinh thần chỉ đạo tại các nghị quyết của Đảng; người lao động được tạo điều kiện để sở hữu cổ phần; hầu hết các doanh nghiệp sau CPH có hoạt động hiệu quả hơn.

2.1.3.2. Những hạn chế, khó khăn: Quá trình CPH DNNN còn chậm so với yêu cầu; Nhiều DNNN đã CPH nhưng không bán được cổ phần; Sau CPH, hoạt động quản trị doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

2.2. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ DNNN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.2.1. Tình hình kinh tế- xã hội

Kinh tế duy trì tăng trưởng;

Thực hiện có kết quả kiềm chế lạm phát, an sinh xã hội được đảm bảo;

Đầu tư xã hội và phát triển DN luôn có hướng tăng trưởng;

Công tác quy hoạch, quản lý, xây dựng đô thị và nông thôn mới đạt được những kết quả quan trọng.

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục- đào tạo, KHCN và y tế tiếp tục phát triển;

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được duy trì, hoạt động đối ngoại được chú trọng;

Cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí được tập trung chỉ đạo.

2.2.2. Tình hình doanh nghiệp nhà nước

2.2.2.1. Giới thiệu về DNNN thuộc Thành phố: được hình thành từ năm 1954; DNNN trước đây thường được gọi là xí nghiệp quốc doanh, đã phát triển với quy mô và số lượng khá lớn trong thời kỳ kế hoạch hoá tập trung, được xác định là thành phần kinh tế chủ đạo.

2.2.2.2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

Về hiệu quả SXKD: các DNNN thuộc Thành phố vẫn đang nỗ lực điều chỉnh hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng cải cách của Chính phủ, tạo được tiền đề phát triển, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hoạt động.

Về công tác đào tạo, lao động và tiền lương: Tiền lương, thù lao cho người lao động được các DN quan tâm cải thiện.

2.2.2.3. Tồn tại, hạn chế: Thứ nhất: Quy mô doanh nghiệp phần lớn nhỏ bé, cơ cấu phân tán; Thứ hai: Trình độ kỹ thuật, công nghệ nhìn chung lạc hậu; Thứ ba: Việc phân bổ còn bất hợp lý về ngành, lĩnh vực; Thứ tư: hiệu quả SXKD của các DNNN

chưa cao, cơ chế QLNN đối với DNNN còn thiếu hiệu quả; Thứ năm, DNNN của Thành phố ít có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

2.3. THỰC TRẠNG CPH DNNN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.3.1. Cổ phần hóa DNNN của Thành phố qua các giai đoạn

2.3.1.1. Giai đoạn từ năm 1990-1996: Chủ trương CPH DNNN ở nước ta được đặt ra khá sớm trong các văn bản có tính chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Song thực tế triển khai đã vấp phải nhiều lực cản, chính vì thế diễn ra rất ỉ ạch.

2.3.1.2. Giai đoạn từ tháng 5/1996 đến tháng 6/1998: Tính đến tháng 6/1998 đã có 07 DNNN thuộc Thành phố chuyển thành CTCP. Các doanh nghiệp sau khi CPH đều phát triển tương đối ổn định với những chỉ tiêu tăng trưởng hàng năm cao. Tiến trình CPH của Thành phố giai đoạn này vẫn diễn ra chậm.

2.3.1.3. Giai đoạn chủ động từ tháng 7/1998 đến 6/2002: Trong các năm 1998-2001, bình quân mỗi năm Hà Nội hoàn thành chuyển CPH 19 doanh nghiệp. Mặc dù những kết quả đạt được là khả quan, nhưng nếu so với mục tiêu đặt ra thì tiến độ vẫn còn chậm.

2.3.1.4. Giai đoạn từ tháng 7/2002 đến tháng 10/2004 (thời kỳ đầu của giai đoạn đẩy mạnh): Tuy cả năm 2002 chỉ có 02 doanh nghiệp được CPH nhưng con số này năm 2003 đã tăng vọt lên 45 DNNN được cổ phần hóa (đạt 150% kế hoạch).

2.3.1.5. Giai đoạn đẩy mạnh (từ tháng 11/2004 đến nay): Đây là giai đoạn đánh dấu số lượng các doanh nghiệp CPH đạt cao so với những giai đoạn trước đó. Tuy nhiên, tiến trình CPH trong giai đoạn này còn bộc lộ nhiều tồn tại, đặc biệt là khi đối chiếu với tinh thần của Nghị quyết Trung ương IX.

2.3.2. Đánh giá kết quả của CPH DNNN

2.3.2.1. Đánh giá chung

Về số lượng: Đến thời điểm 30/12/2015, thành phố Hà Nội đã thực hiện sắp xếp, cổ phần hoá được 496 doanh nghiệp (bao gồm cả các DN thuộc TP Hà Nội cũ và tỉnh Hà Tây cũ). Riêng cổ phần hóa là 316 doanh nghiệp.

Về cơ cấu: Theo hình thức cổ phần hoá; Theo tỷ trọng các ngành trong kinh tế Thủ đô; Theo cơ cấu vốn nhà nước.

Về chất lượng: Một là, chuyển từ CPH trong một số lĩnh vực sang CPH ở hầu hết các lĩnh vực; Hai là: chuyển biến từ việc chỉ CPH các DNNN quy mô nhỏ sang cả những doanh nghiệp làm ăn có lãi với quy mô lớn; Ba là: việc chuyển từ CPH theo hướng từ khép kín, nội bộ sang hình thức đấu giá công khai, bán cổ phần ra bên ngoài; Bốn là: CPH là một xu hướng tất yếu, mang tính đột phá nhằm chuyển đổi DNNN từ đơn sở hữu sang đa sở hữu.

2.3.2.2. Những kết quả tích cực

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh: có 87,53% số DN khẳng định kết quả hoạt động tài chính của CTCP tốt hơn hoặc tốt hơn, thể hiện qua các số liệu về vốn điều lệ; về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách; về lao động, thu nhập.

CPH tạo ra loại hình doanh nghiệp đa sở hữu: đã cho phép các DN thu hút được một lượng lớn nguồn vốn nhân rồi trong xã hội thông qua TTCK.

CPH DNNN đem lại hiệu quả về mặt xã hội: khảo sát 60 DN đã CPH hơn 01 năm (2014) cho thấy năng suất lao động tăng bình quân 18.3%; lương bình quân DN tăng 11.4%; giải quyết lao động dôi dư đạt được những thành công nhất định.

2.3.2.3. Những hạn chế

CPH đã có một sự thành công bước đầu nhưng vẫn còn chậm: Kết quả so với kế hoạch CPH mới đạt 80%. Số lượng DN được CPH một số năm tuy đạt con số khả quan nhưng so với yêu cầu của kế hoạch là chưa đạt.

Thời gian tiến hành cổ phần hoá còn dài: thời gian CPH một DN đã giảm được từ 512 ngày (năm 2001) xuống còn 236 ngày (năm 2015). Tuy nhiên so với quy định mới nhất là 180 ngày thì còn dài.

Nhà nước vẫn còn chiếm giữ nhiều cổ phần chi phối: số liệu tổng hợp tại 189 CTCP thời điểm CPH thì có 23,8% doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ vốn trên 50%; 42% doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn và chỉ có 34,2% CTCP Nhà nước không nắm giữ vốn.

Doanh nghiệp cổ phần bị phân biệt đối xử: Do sự thiếu rõ ràng về quyền sử dụng đất, chưa giải quyết dứt điểm các quyền và nghĩa vụ đất đai khi chuyển theo mô hình CTCP đã khiến DN gặp nhiều khó khăn. Các DN CPH còn gặp phải vấn đề tiếp cận tín dụng khó khăn.

Bất cập trong xác định GTDN và các khoản nợ: vướng mắc lớn nhất làm chậm quá trình CPH DNNN là vấn đề xác định GTDN. Bên cạnh đó, việc xác định giá trị thương hiệu cũng làm cho các doanh nghiệp CPH gặp lúng túng.

Nhiều công ty chưa có sự đổi mới: Nhiều doanh nghiệp sau CPH vẫn sử dụng gần như toàn bộ máy quản lý cũ.

Nhận thức của các cổ đông về quyền lợi và nghĩa vụ đối với DN chưa đúng đắn: Vẫn còn một bộ phận không nhỏ các cổ đông chưa nhận thức đúng các quyền lợi, lợi ích và nghĩa vụ của mình đối với DN.

Vấn đề lao động và tiền lương trong doanh nghiệp sau CPH: Khi chuyển sang CTCP, nhiều DN vẫn áp dụng theo hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định.

2.4. THỰC TRẠNG QLNN ĐỐI VỚI CPH DNNN

2.4.1. Thực trạng công tác QLNN

2.4.1.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu về CPH

Xác định mục tiêu, phạm vi CPH: Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN: *Nhóm 1:* Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; *Nhóm 2:* Những DN thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 75% tổng số cổ phần trở lên; *Nhóm 3:* Những DN thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần; *Nhóm 4:* Những DN thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65%.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, thành phố Hà Nội đã tiến hành phân loại, rà soát đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại 04 Quyết định và 01 văn bản.

Công tác xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đối với quá trình CPH DNNN: Thông qua hệ thống các văn bản chi tiết và mang tính chỉ đạo, định hướng, thành phố Hà Nội đã thiết lập một cơ chế mạnh mẽ, thông thoáng hơn cho tiến trình CPH.

Công tác xây dựng kế hoạch CPH DNNN: Kế hoạch CPH DNNN giai đoạn 2002-2008; Kế hoạch sắp xếp DNNN thuộc Thành phố giai đoạn 2011-2015.

2.4.1.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về CPH:

Công tác tư tưởng, tuyên truyền: Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã chủ động tăng cường, đổi mới, đa dạng hóa công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về cổ phần hóa; thực hiện thường xuyên làm chuyên biến từ nhận thức, thói quen làm công ăn lương trong thời kỳ bao cấp của DNNN chuyển sang CTCP.

Tổ chức bộ máy QLNN: Thành phố đã phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo về CPH DNNN; thành lập BDM và PTDN, Ban đã thường xuyên làm việc với các sở, ngành, tổng công ty để xác định rõ danh mục các doanh nghiệp đưa vào kế hoạch CPH hàng năm. Năm 2014, Thành phố quyết định thành lập Bộ phận Thường trực về công tác CPH.

Việc kiểm tra, giám sát quá trình cổ phần hóa DNNN, gồm: việc giám sát của cấp ủy đảng; việc kiểm tra, giám sát quá trình CPH DNNN.

Quản lý tài chính công, gồm: kinh phí hoạt động của BDM và PTDN TP; xử lý tồn tại tài chính trong quá trình CPH và công tác thoái vốn nhà nước tại CTCP; việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước.

2.4.2. Đánh giá kết quả tích cực của hoạt động QLNN

2.4.2.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu về CPH DNNN, gồm xác định mục tiêu, phạm vi CPH DNNN; về cơ chế chính sách; về xây dựng kế hoạch CPH DNNN.

2.4.2.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về CPH DNNN: công tác tư tưởng, tuyên truyền; về tổ chức bộ máy; việc giám sát, kiểm tra quá trình CPH DNNN; nguồn tài chính công và việc thoái vốn nhà nước tại CTCP; về thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước.

2.4.3. Những khó khăn, hạn chế

2.4.3.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu

Về mục tiêu, tiêu chí phân loại DNNN: Tiêu chí phân loại theo Quyết định 37/2014/QĐ-TTg được quy định khá rõ, tuy nhiên trước yêu cầu hội nhập kinh tế sâu rộng và yêu cầu xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực kinh tế- xã hội thì khi áp dụng thực tế cũng gặp một số bất cập.

Về cơ chế, chính sách: Thành phố vẫn chưa linh hoạt trong việc áp dụng cho phù hợp với tình hình địa phương. Một số chính sách chế độ của Trung ương chưa được Hà Nội chi tiết hoá dẫn đến chậm triển khai thực hiện.

Một số vướng mắc về chính sách CPH DNNN hiện nay được nêu tại: Nghị định số 91/2010/NĐ-CP; Nghị định 189/2013/NĐ-CP; Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Về xây dựng kế hoạch cổ phần hóa DNNN

Kế hoạch CPH chưa có tầm nhìn xa, nhanh bị lạc hậu. Thành phố phải trình Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp DNNN đến 04 lần.

Khi xây dựng kế hoạch, Hà Nội đã đề xuất xin giữ lại tới 19 doanh nghiệp nhưng chỉ được 10 DN, tức là có 09 DN không được Thủ tướng chấp thuận và phải CPH, chứng tỏ Thành phố vẫn chưa bám sát chỉ đạo của Chính phủ.

2.4.3.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về CPH

Về công tác tư tưởng, tuyên truyền:

Công tác tuyên truyền ở một số nơi còn hạn chế, xem nhẹ;

Do chưa được nhận thức đúng đắn nên nhiều cán bộ, nhân viên trong doanh nghiệp “sợ” CPH.

Tại một số DN vẫn có tâm lý muốn xây dựng quy mô vốn điều lệ thấp và hạn chế số lượng cổ phần bán ra bên ngoài.

Về tổ chức bộ máy, nhân sự triển khai CPH:

Tổ chức bộ máy QLNN hiện nay của Trung ương và thành phố Hà Nội đối với CPH DNNN còn bất cập.

Lãnh đạo DN chưa quan tâm đầy đủ, một số hạn chế về năng lực.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa được Thành phố quan tâm đúng mức.

Cơ quan nhà nước vẫn can thiệp vào quản trị công ty cổ phần.

Đối với một số CTCP, do vẫn còn quan niệm là DNNN nên coi UBND thành phố là cơ quan cấp trên, đòi hỏi phải đối xử như khi còn là DNNN.

Còn hiện tượng Thành phố áp đặt các mệnh lệnh hành chính, nhất là trong trường hợp sở hữu nhà nước nắm cổ phần chi phối.

Về kiểm tra, giám sát:

Sự quản lý, giám sát đối với các doanh nghiệp CPH còn nhiều yếu kém; công tác theo dõi hoạt động của các DN sau khi CPH khá lỏng lẻo.

Vai trò của tổ chức đảng và đoàn thể trong các CTCP còn lúng túng; chế độ tiền lương, tiền thưởng của người lao động chưa được quan tâm.

Việc thu thập thông tin liên quan đến quá trình CPH DNNN còn hạn chế.

Công tác quản lý thông tin đối với DN sau khi CPH từ các nguồn cũng hết sức khác nhau về số liệu, tình hình SXKD.

Về nguồn tài chính công và việc thoái vốn nhà nước:

Việc xử lý tồn tại tài chính chưa được các DN thực hiện tốt, nên nhiều tồn tại không được giải quyết.

Việc xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ gặp khó khăn.

Việc xác định GTDN đối với những DN được giao quản lý sử dụng nhiều nhà xưởng, đất đai gặp bất cập.

Phương pháp xác định giá khởi điểm cổ phần chào bán lần đầu của doanh nghiệp CPH hiện vẫn chưa phù hợp.

Theo tiêu chí mới thì nhiều DNNN đã CPH mà Nhà nước nắm giữ cổ phần cần phải thực hiện thoái vốn, nhưng tiến độ thực hiện còn chậm.

Việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước:

Chính phủ và Bộ Tài chính đang yêu cầu chuyển giao số tiền thu từ cổ phần hóa DNNN thuộc Thành phố về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Trung ương. Đồng thời chuyển giao luôn của đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc này sẽ tác động đến nguồn lực, lợi thế kinh tế của Thủ đô, ảnh hưởng đến nguồn ngân sách của Thành phố dùng để hỗ trợ lao động thất nghiệp, dôi dư và các chi phí khác phát sinh trong quá trình CPH.

2.4.4. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

2.4.4.1. Nguyên nhân khách quan

Việc tái cơ cấu, CPH DNNN được tiến hành trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, phức tạp.

Kinh nghiệm về CPH DNNN có quy mô lớn của Thành phố chưa nhiều, một số doanh nghiệp có tình hình tài chính phức tạp.

Số lượng các DNNN cần phải CPH lớn, các đề án mà Hà Nội phải xây dựng thường khó và phức tạp.

2.4.4.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tuyên truyền:

- Chưa sâu rộng, chưa tạo sự đồng thuận cao; vẫn còn tư tưởng trông chờ vào Nhà nước, chậm đổi mới. Tâm lý ngại thay đổi của một bộ phận lãnh đạo doanh nghiệp sắp nghỉ hưu làm cản trở quá trình CPH DNNN.

- Chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức vai trò, vị trí của kinh tế nhà nước về yêu cầu và giải pháp sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN.

Thế chế, cơ chế, chính sách:

- Việc tổ chức thực hiện và thế chế hóa chủ trương của Đảng có mặt còn chậm, chưa phù hợp và cụ thể. Thành phố chưa tập trung ban hành cơ chế theo kế hoạch đề ra.

- Thành phố có giai đoạn chưa thật sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo và triển khai thực hiện phương án sắp xếp, CPH DNNN.

- Chưa có biện pháp, chế tài mạnh xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe đối với các cá nhân, tập thể lãnh đạo của bộ, ngành, địa phương và DN không mặn mà với CPH.

- Việc thu hút nhà đầu tư tham gia vào tiến trình CPH gặp khó khăn do thiếu công khai, minh bạch thông tin.

- Nhà nước vẫn còn nắm giữ cổ phần chi phối ở các DN thuộc ngành nghề, lĩnh vực không cần nắm giữ.

Tài chính công:

- Việc phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tái cơ cấu, CPH DNNN của các cơ quan chức năng còn chậm và chưa triệt để. Một số DNNN chưa quyết liệt và tích cực công khai phương án sắp xếp, CPH.

- Việc định giá DNNN để tiến hành CPH còn nhiều bất cập. Quá trình xác định GTDN chủ yếu dựa trên so sánh, chưa có tiêu chuẩn xác định giá trị tiềm năng như thương hiệu, khả năng phát triển trong tương lai.

- Nguồn tài chính công phục vụ sắp xếp, CPH DNNN, nhất là xử lý công nợ rất hạn hẹp.

Tổ chức bộ máy: CBCC làm công tác CPH DNNN hiện đều là kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác CPH còn hạn chế. Phân công giữa các ban, ngành chức năng còn chồng chéo. Đội ngũ công chức làm công tác CPH còn có tư tưởng “xin-cho”, ỷ lại khi thực thi công vụ.

TIÊU KẾT CHƯƠNG II

Từ việc giới thiệu tổng quan về DNNN ở Việt Nam, trong đó khẳng định chủ trương CPH DNNN đã được Đảng, Nhà nước triển khai từ nhiều năm về trước. Tác giả đã tóm lược kết quả và nêu một số hạn chế, khó khăn trong quá trình CPH DNNN ở Việt Nam.

Tác giả khái quát về tình hình KTXH thuộc Thành phố, đánh giá hiệu quả SXKD và chỉ ra những hạn chế của DNNN.

Thực trạng quá trình CPH DNNN của Thành phố được chia làm 6 giai đoạn kéo dài từ năm 1991 đến nay, Chương này đã đánh giá về số lượng, cơ cấu và chất lượng của CPH. Trong đó khẳng định những ảnh hưởng tích cực của CPH DNNN, xác định CPH là một xu hướng tất yếu, là giải pháp mang tính đột phá nhằm chuyển đổi DNNN từ đơn sở hữu sang đa sở hữu. Những chuyển biến nói trên đã nâng cao rõ rệt hiệu quả SXKD của doanh nghiệp CPH trên tất cả các chỉ tiêu chủ yếu về vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, số lượng lao động và thu nhập của người lao động, cổ tức và giải quyết lao động dôi dư.

Bên cạnh những ưu điểm, tác giả cũng nêu những tồn tại, hạn chế trong quá trình CPH DNNN thuộc Thành phố như tốc độ CPH còn chậm; thời gian tiến hành CPH còn dài; Nhà nước vẫn còn chiếm giữ nhiều cổ phần chi phối; CPH đã có sự

thành công bước đầu nhưng vẫn còn chậm; doanh nghiệp cổ phần bị phân biệt đối xử; nhận thức của các cổ đông về quyền lợi và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp chưa đúng đắn.

Tác giả đã phân tích thực trạng QLNN đối với CPH, bắt đầu từ công tác xây dựng chương trình mục tiêu về CPH, trong đó đã làm rõ mục tiêu, phạm vi CPH DNNN; công tác xây dựng kế hoạch CPH DNNN. Tiếp theo là việc tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về cổ phần hóa, gồm: công tác tư tưởng, tuyên truyền; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước; việc kiểm tra, giám sát; quản lý tài chính công và việc thoái vốn nhà nước tại CTCP; việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Đánh giá về mặt tích cực trong QLNN về CPH, tác giả nhận định nhờ có chủ trương đúng, công tác sắp xếp, cổ phần hóa DNNN đã đạt nhiều kết quả tích cực. Các cơ quan quản lý ở Hà Nội đã nắm bắt được bản chất, đặc điểm của quá trình CPH DNNN và những vấn đề phát sinh trong thực tế để đề xuất hoàn thiện môi trường pháp luật, chính sách; chủ động tham mưu với Thành ủy, HĐND, UBND thành phố những giải pháp đẩy nhanh việc CPH DNNN. Cơ chế thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu được tăng cường...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực thì công tác vận động, tuyên truyền cho CPH vẫn bị xem nhẹ và mặc dù Thành phố đã tích cực rà soát, xây dựng một kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới DNNN nhưng kế hoạch này vẫn nhanh bị lạc hậu.

Hệ thống văn bản chính sách do Nhà nước ban hành về CPH DNNN đã dần hoàn thiện, nhưng Thành phố vẫn chưa linh hoạt trong áp dụng cho phù hợp với tình hình địa phương. Sự quản lý, giám sát đối với các doanh nghiệp CPH còn nhiều yếu kém. Việc xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ cũng như xử lý các tồn tại về tài chính, quyết toán thuế tại các doanh nghiệp có khó khăn. Bộ máy QLNN hiện nay của Thành phố về thực hiện CPH DNNN cũng bắt cập.

Tác giả đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trên gồm nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Từ các hạn chế và nguyên nhân trên, tác giả cho thấy rằng nếu Thành phố thực hiện tốt việc đổi mới, cơ cấu lại, bao gồm cả việc chuyển đổi sở hữu để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đang có tại khu vực DNNN sẽ tạo điều kiện nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp và nâng cao mức tăng trưởng GDP của Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung. Đây cũng là cơ sở để đưa ra các giải pháp thúc đẩy quá trình CPH và hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN trên địa bàn sẽ được trình bày trong Chương III.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QLNN VỀ CPH DNNN THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. BỐI CẢNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN CPH

3.1.1. Bối cảnh kinh tế quốc tế: Bối cảnh chính trị, kinh tế quốc tế đã chỉ ra rằng các doanh nghiệp sẽ phải hoạt động dựa trên các nguyên tắc thị trường; các doanh nghiệp của Việt Nam sẽ không được phân biệt đối xử với doanh nghiệp của các nước khác.

3.1.2. Bối cảnh trong nước: Kinh tế vĩ mô diễn biến theo hướng tích cực, tuy nhiên, tổng cầu của nền kinh tế tăng chậm, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp còn khó khăn. Đảng ta đã quán triệt tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội XI và các nghị quyết, kết luận của Trung ương về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN.

Luật Doanh nghiệp mới quy định DNNN là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, thay vì từ 51% trở lên như trước đây. Quy định này sẽ tạo động lực lớn cho tiến trình cải cách DNNN ở Việt Nam.

Chủ trương nắm giữ ít cổ phần tại các DNNN thực hiện CPH, việc này sẽ thu hút các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, không phân biệt bất cứ thành phần nào.

3.1.3. Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô đến năm 2020

- Ngày 6/01/2012, Tổng Bí thư đã ký ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020.

- Đảng bộ, chính quyền Thành phố đã có nhiều giải pháp, trong đó có việc đẩy mạnh sắp xếp, CPH DNNN.

3.2. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CPH DNNN THUỘC TP HÀ NỘI TRONG NHỮNG NĂM TỚI

3.2.1. Về quan điểm

3.2.1.1. Nâng cao hiệu lực QLNN

Ngoài yếu tố luật pháp, QLNN còn sử dụng những biện pháp quản lý vĩ mô, gián tiếp, các công cụ xây dựng kế hoạch. Việc tăng cường quản lý vừa đảm bảo giám sát chặt chẽ hoạt động tuân thủ theo pháp luật, vừa tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp thực hiện CPH. Đảm bảo sự nhất quán, thống nhất giữa các cơ quan QLNN trong một kế hoạch tổng thể.

3.2.1.2. Lấy hiệu quả hoạt động làm tiêu chuẩn: Hiệu quả kinh tế thể hiện qua việc tạo đà và phát triển năng lực cạnh tranh; Hiệu quả xã hội là giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập, nâng cao mức sống và trình độ cho người lao động; Hiệu quả tài chính là tăng nguồn thu cho ngân sách thành phố, bổ sung nguồn vốn và phát triển GDP.

3.2.2. Về mục tiêu, định hướng

3.2.2.1. Mục tiêu, định hướng của Đảng và Nhà nước

- Hoàn thành sắp xếp, CPH DNNN hiện có để tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, mang lại lợi ích Quốc gia.

- Đẩy mạnh CPH, thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính, bán hết vốn nhà nước tại các DN trong ngành và lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ.

- Sớm thành lập cơ quan ngang Bộ để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các DN.

- Đến năm 2020, cải cách DNNN cơ bản hoàn thành, hình thành hệ thống doanh nghiệp hiện đại có sức cạnh tranh quốc tế.

3.2.2.2. Mục tiêu, định hướng của thành phố Hà Nội

- Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố phấn đấu hoàn thành kế hoạch cổ phần hoá các DNNN trực thuộc, trong đó sẽ tập trung hướng dẫn doanh nghiệp trong diện sắp xếp, CPH thực hiện các bước theo quy trình, đảm bảo chất lượng và thời gian.

- Thành phố tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước tại các DNNN trong diện CPH và tại các lĩnh vực nhạy cảm và ngoài ngành nghề sản xuất kinh doanh chính theo đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

3.3. HỆ THỐNG GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VÀ HOÀN THIỆN QLNN VỀ CPH DOANH NGHIỆP

3.3.1. Nhóm giải pháp tạo lập tiền đề cần thiết cho việc CPH DNNN

3.3.1.1. Công tác tư tưởng, tuyên truyền

- Cần tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đường lối, chủ trương của Thành phố đối với cán bộ, công nhân viên trong các DNNN.

- Với giám đốc các doanh nghiệp, tình hình cũng tương tự và ở đây không chỉ là các quyền lợi vật chất mà còn là chức danh và địa vị xã hội.

3.3.1.2. Tăng cường cải cách hành chính đối với quá trình CPH DNNN: Các Sở, ngành, tổng công ty cần chủ động có kế hoạch CPH đăng ký với Thành phố; Tăng cường và củng cố vai trò, năng lực của cán bộ BDM và PTDN TP; Tiếp tục tăng cường vai trò của Bộ phận thường trực CPH; Phân định cụ thể trách nhiệm của từng Sở, ngành khi triển khai CPH.

3.3.1.3. Bổ sung, hoàn thiện tiêu chí phân loại làm cơ sở xây dựng phương án cổ phần hóa DNNN: Theo cách phân loại này, DNNN thuộc Thành phố được phân thành 3 nhóm: Nhóm 1: DNNN nắm giữ 100% vốn; Nhóm 2: Những DN khi CPH, Nhà nước nắm giữ trên 50% cổ phần; Nhóm 3: Những doanh nghiệp còn lại khi CPH, Nhà nước nắm giữ dưới 50% cổ phần hoặc không nắm giữ cổ phần.

3.3.1.4. Bổ sung, hoàn thiện kế hoạch CPH DNNN thuộc Thành phố: Luận án đưa ra Kế hoạch CPH trong thời gian tới có kiến nghị bổ sung đối với công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Chính phủ.

3.3.1.5. Giải pháp về tổ chức bộ máy, nhân lực QLNN đối với CPH DNNN

Bổ sung, nâng cấp chức năng cho Chi cục Tài chính doanh nghiệp (thuộc Sở Tài chính):

Phương án 1. Giữ nguyên tên gọi như hiện nay, bổ sung chức năng đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ.

Phương án 2. Cho phép UBND thành phố thành lập cơ quan QLNN để thực hiện thống nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 (Khóa IX), Kết luận số 78-KL/TW ngày 26/7/2010 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 trên cơ sở tổ chức lại và nâng cấp Chi cục TCDN thành Cục Quản lý TCDN trực thuộc UBND TP.

Đề xuất thành lập mô hình Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Hà Nội: Luận án kiến nghị xây dựng Đề án thành lập Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước trực thuộc thành phố Hà Nội.

Tăng cường hoạt động của bộ máy quản lý làm công tác CPH DNNN:

- Tiếp tục tổ chức các hội nghị để triển khai kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

- BDM& PTDN TP thường kỳ báo cáo tập thể lãnh đạo UBND thành phố về tiến độ, kết quả thực hiện công tác CPH.

- Duy trì hoạt động của Tổ công tác chuyên trách về CPH.

3.3.1.6. Giải pháp về giám sát, kiểm tra

Về yêu cầu: Theo dõi, giám sát theo nguyên tắc nắm bắt được tình hình chung về những chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, cần thiết. Phục vụ việc giải quyết, tháo gỡ kịp thời những khó khăn của các doanh nghiệp đang hoạt động. Giảm bớt đầu mối kiểm tra, kiểm soát.

Về nội dung:

Nên có quy định cụ thể hơn về tổ chức, cơ chế và chế độ hoạt động của hệ thống kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, điều hành và uốn nắn kịp thời những lệch lạc để đảm bảo tiến độ CPH DNNN.

Quan tâm thường xuyên đối với các DN trong quá trình CPH nhằm phát huy hiệu quả đạt được, tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi để các DN phát triển bình đẳng.

Quy định về trách nhiệm của các cơ quan QLNN trong việc tiếp tục cung cấp thông tin, phổ biến chế độ chính sách cho doanh nghiệp trong diện CPH.

3.3.1.7. Tổ chức hội thảo, biên soạn tài liệu phục vụ công tác CPH DNNN

- Tổ chức triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố về CPH ở từng Sở, ngành, tổng công ty.

- Phổ cập rộng rãi những kết quả nghiên cứu, biên soạn giáo trình.

- Tổ chức tọa đàm, trao đổi giữa các tổ chức nghiên cứu, cơ quan QLNN và các DN thuộc diện CPH.

3.3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính

3.3.3.1. Giải pháp về thể chế, cơ chế chính sách

Về thể chế

- Hoàn thiện Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước trong DNNN;

- Bộ Tài chính có Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 189/2013/NĐ-CP; Nghị định số 206/2013/NĐ-CP;

- Hoàn thiện Quyết định thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg;

- Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định về người giữ chức danh quản lý tại DN 100% vốn nhà nước và DN mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...

- Hoàn thiện Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ;

- Thành ủy tiếp tục chỉ đạo UBND TP ban hành các văn bản, chỉ thị đẩy mạnh CPH DNNN theo kế hoạch;

- Báo cáo Trung ương bổ sung cơ chế, chính sách để tính đúng, tính đủ các giá trị lợi thế kinh doanh, thương hiệu, văn hóa kinh doanh, trình độ tay nghề... vào GTDN.

Về cơ chế chính sách

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP; Sửa đổi Thông tư số 196/2011/TT-BTC;

- Hoàn thiện Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010.

3.3.2.2. Xác định, tách riêng, xử lý các khoản tồn tại về tài chính của doanh nghiệp khi CPH

Phân loại các khoản tồn tại tài chính: *Nhóm 1:* Những tồn tại, vướng mắc đã có cơ chế, chế độ đủ căn cứ để xử lý; *Nhóm 2:* Những tồn tại, vướng mắc chưa được quy định rõ trong cơ chế chính sách, song Thành phố có thể vận dụng xử lý theo thẩm quyền; *Nhóm 3:* Những vấn đề chưa có quy định trong các cơ chế, chính sách cần vận dụng để xử lý hoặc vượt quá thẩm quyền của Thành phố.

Xử lý các tồn tại trong quá trình CPH DNNN: Ngoài những quy định của cơ chế, chính sách, luận án đề xuất biện pháp xử lý một số tồn tại tài chính về: tài sản, công nợ, các khoản lỗ hoặc lãi.

Xử lý tồn tại tài chính thời điểm DNNN chính thức chuyển thành CTCP: Trong giai đoạn từ thời điểm xác định GTDN đến thời điểm chính thức chuyển thành CTCP, các doanh nghiệp CPH thực hiện nhượng, bán, thanh lý tài sản, khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán theo quy định

3.3.2.3. Giải pháp tài chính công

Về xử lý tiền thu từ CPH DNNN: Kiến nghị với Chính phủ cho phép Hà Nội được giữ lại số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước khi CPH DNNN để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp đã được phê duyệt.

Về thoái vốn và xử lý phần vốn góp của Nhà nước tại CTCP:

- Đối với phần vốn nhà nước tham gia tại các CTCP hiện do các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nắm giữ thuộc diện CPH thì quyết định theo các hướng: Thoái vốn nhà nước trước khi CPH; Tính vào GTDN CPH; Điều chuyển cho doanh nghiệp mà Thành phố tiếp tục nắm 100% vốn nhà nước hoặc cơ quan quản lý TCDN của Thành phố quản lý.

- Luận án đưa ra 05 giải pháp tăng cường thoái vốn nhà nước.

3.3.2.4. CPH DNNN gắn với phát triển thị trường chứng khoán

- Tổ chức hội nghị phổ biến các chính sách mới về thoái vốn, bán cổ phần, đăng ký giao dịch và niêm yết trên TTCK.

- Sở GDCK khẩn trương vào cuộc để phục vụ các cuộc đấu giá, hỗ trợ DN sau đấu giá.

- Đối với cổ phiếu của CTCP chưa niêm yết trên TTCK mà được định giá thấp hơn mệnh giá thì tổ chức bán cổ phần công khai.

- Cần có phương án xử lý đối với cổ phần không bán được và không bán hết.

3.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực QLNN sau CPH

3.3.3.1. Công tác đào tạo, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt

- Đề xuất với Thành uỷ nghiên cứu để sớm có chủ trương về chính sách bố trí, sử dụng và đãi ngộ cán bộ. Có biện pháp xử lý đối với DN và lãnh đạo DN chậm trễ trong thực hiện CPH.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ chủ chốt ở DN và cấp trên trong quá trình thực hiện CPH.

- Cần có cơ chế gắn trách nhiệm của từng cá nhân với nhiệm vụ CPH DNNN. Có chế độ thưởng đối với những nơi, những người làm tốt và phạt đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ.

3.3.3.2. Giải quyết vấn đề lao động dôi dư

Về phía chính quyền Thành phố: Các Sở, ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc lập phương án hỗ trợ và thanh toán trợ cấp cho đối tượng lao động dôi dư.

Về phía doanh nghiệp: Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với CPH và xử lý lao động dôi dư của doanh nghiệp. Xây dựng phương án sắp xếp lao động.

3.3.3.3. Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đối với doanh nghiệp CPH

- Thành phố đề xuất với Trung ương hoàn chỉnh cơ chế quản lý doanh nghiệp sau CPH.
- Các DN CPH cần xác định rõ, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm giữa HĐQT và ban giám đốc.
- Các doanh nghiệp phải đặc biệt chú ý tới công tác quản trị nhân sự.
- Các CTCP cần sớm hoàn thành thủ tục thuê đất với Thành phố.
- Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông hiểu về quyền và trách nhiệm của mình.

3.3.3.4. *Kiến toàn, nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp sau CPH*

Kiến toàn tổ chức Đảng, đoàn thể

- Đề nghị nên quy về một mối hoặc là hệ thống công đoàn theo quận- huyện hoặc theo công đoàn ngành dọc.
- Thành uỷ, Liên đoàn lao động, Thành đoàn nên nhanh chóng ban hành những quy định và quy chế về hướng dẫn hoạt động của các tổ chức này.

Một số giải pháp nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Cần có cơ chế giải quyết tốt các mối quan hệ liên quan trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp.
- Xem xét thống nhất đầu mối quản lý tổ chức Đảng trong doanh nghiệp.
- Có cơ chế nhất thể hóa chủ DN kiêm bí thư cấp ủy trong các doanh nghiệp có cổ phần nhà nước từ 50% trở xuống.
- Nâng cao hơn nữa vai trò tiên phong của tổ chức đảng trong các DNNN.

3.3.3.5. *Về chế độ thông tin, báo cáo:* hoàn thiện nội dung báo cáo bằng văn bản; Quy định và thông báo tới các doanh nghiệp những văn bản cần báo cáo; Chuẩn hoá các mẫu biểu báo cáo; Trách nhiệm, nghĩa vụ trong báo cáo và những xử phạt hành chính nếu không tuân thủ...

TIÊU KẾT CHƯƠNG III

Từ bối cảnh kinh tế quốc tế và trong nước cũng như chiến lược phát triển KTXH của Thủ đô đến năm 2020 đã tác động đến CPH DNNN của Thành phố trong giai đoạn tới.

Tác giả đã nêu một số quan điểm về mục tiêu, định hướng CPH trong giai đoạn tiếp theo của Thành phố là phấn đấu hoàn thành kế hoạch cổ phần hoá các DNNN trực thuộc. Yêu cầu các doanh nghiệp tổ chức sắp xếp và tái cấu trúc phù hợp với năng lực quản lý, giám sát và nâng cao năng lực quản trị DNNN theo hướng phù hợp với các nguyên tắc, thông lệ quốc tế. Tiếp tục rà soát, bổ sung danh sách các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa theo tiêu chí, danh mục phân loại.

Trong nhóm giải pháp tạo lập tiền đề cần thiết cho CPH, tác giả đã đưa ra các biện pháp như đẩy mạnh công tác tư tưởng, tuyên truyền; tăng cường cải cách hành chính; bổ sung, hoàn thiện tiêu chí phân loại làm cơ sở xây dựng phương án CPH DNNN; hoàn thiện kế hoạch CPH DNNN; tăng cường giám sát, kiểm tra.

Trong đó tác giả đã đề xuất nâng cấp chức năng cho Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp); đề nghị bổ sung chức năng đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ và đề xuất thành lập cơ quan QLNN để thực hiện thông

nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 (Khóa IX) trên cơ sở tổ chức lại và nâng cấp Chi cục Tài chính doanh nghiệp thành Cục Quản lý Tài chính doanh nghiệp trực thuộc UBND thành phố.

Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính đã kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội tiếp tục hoàn thiện cơ chế chủ sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Cần sớm xây dựng và hoàn thiện Luật Quản lý và Sử dụng vốn nhà nước trong DNNN. Đề nghị Bộ Tài chính khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 189/2013/NĐ-CP về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành CTCP; Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 206/2013/NĐ-CP về quản lý nợ DNNN và hoàn thiện phương án tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong việc tái cơ cấu, thoái vốn ngoài ngành của DNNN. Hoàn thiện Quyết định thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg về tiêu chí, danh mục phân loại DNNN để tạo cơ sở pháp lý cho việc đẩy mạnh giảm và bán toàn bộ vốn trong các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối. Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định về người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...

Các giải pháp thuộc nhóm này cũng đề nghị cần xác định, tách riêng, xử lý các khoản tồn tại về tài chính của doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Kiến nghị với Chính phủ cho phép thành phố Hà Nội được giữ lại số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước khi CPH để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp đã được phê duyệt nhằm tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Tăng cường thoái vốn tại các CTCP có vốn nhà nước để có nguồn xử lý công việc khác liên quan đến sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc Thành phố.

Giải pháp cũng đề nghị gắn kết giữa CPH DNNN với phát triển thị trường chứng khoán, trong đó giao Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào cuộc, chuẩn bị từ hệ thống, con người để phục vụ các cuộc đấu giá, hỗ trợ doanh nghiệp sau đấu giá có thể tham gia trực tiếp trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) và thị trường cổ phiếu niêm yết với thời gian nhanh nhất.

Về giải pháp nâng cao hiệu lực QLNN sau CPH, tác giả đã trình bày các biện pháp về công tác đào tạo, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của DNNN trong diện CPH; giải quyết vấn đề lao động dôi dư; đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị; kiện toàn, nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp sau CPH và chế độ thông tin báo cáo phục vụ công tác QLNN về CPH.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CPH DNNN

1. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CƠ CẤU LẠI DNNN, TRỌNG TÂM LÀ CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

L luận án xin có một số khuyến nghị với Đảng, Nhà nước, Chính phủ một số nội dung như sau:

1.1. Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

1.1.1. Phân chia DNNN thành hai loại chính là DNNN thương mại và DNNN công ích

Đối với DNNN thương mại: xin khuyến nghị với Đảng, Nhà nước có chủ trương để các DN này vận hành theo cơ chế thị trường và tiến tới CPH.

Đối với DNNN công ích: Nhà nước tiến hành CPH hoặc khuyến khích các thành phần phi nhà nước tham gia kinh doanh thông qua hình thức mua dịch vụ công hoặc ủy thác đối với một số doanh nghiệp nếu xét thấy đủ điều kiện.

1.1.2. Xây dựng đề án sử dụng nguồn thu từ CPH DNNN: Khuyến nghị với Chính phủ tập trung nguồn thu từ CPH và thoái vốn nhà nước tại CTCP có vốn nhà nước, nguồn thu từ lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ của DNNN theo quy định.

1.1.3. Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu, CPH DNNN: nhất là quy định về bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp; chính sách với người lao động dôi dư sau CPH; xác định quyền được thuê đất, quyền sử dụng đất, thương hiệu; danh mục các ngành, nghề, lĩnh vực mà Nhà nước không cần kiểm soát cho các nhà đầu tư nước ngoài.

1.1.4. Tiếp tục tái cơ cấu tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước toàn diện: Với việc CPH các tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ có quy mô lớn cần có sự tham gia của các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước, có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp.

1.2. Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn

Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán đẩy mạnh CPH DNNN theo hướng giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp; thực hiện công khai, minh bạch, nhất là lộ trình CPH. Các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước nâng cao trách nhiệm, chủ động đẩy mạnh CPH, thực hiện phương án sắp xếp CPH, quản lý sau CPH và thực hiện bán hết vốn tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo nguyên tắc thị trường.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án CPH DNNN đã được phê duyệt. Thực hiện kế hoạch và lộ trình CPH đối với các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích.

2. ĐỔI MỚI VÀ ÁP DỤNG KHUNG QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI

2.1. Có cơ chế đổi mới quản trị để DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn, công ty nhà nước nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh.

2.2. Xác định và làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu (HĐTV, HĐQT) và người điều hành (tổng giám đốc, giám đốc) doanh nghiệp trong quản lý, đầu tư, sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

3. HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI DNNN VÀ CTCP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

3.1. Về mô hình

Khuyến nghị với Chính phủ thành lập một cơ quan chuyên trách ngang bộ thực hiện chức năng chủ sở hữu với các đối tượng và phạm vi phù hợp, giải phóng các Bộ quản lý nhà nước khỏi chức năng quản lý của chủ sở hữu nhà nước.

3.2. Về mục tiêu

Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp quản lý các tập đoàn, tổng công ty có quy mô lớn, quản trị hiện đại, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới để thực hiện chiến lược quốc gia trong phát triển kinh tế xã hội.

3.3. Về nguyên tắc

Ủy ban quản lý các tập đoàn, tổng công ty lớn, CTCP có vốn nhà nước tại một số ngành độc quyền tự nhiên để thực hiện chiến lược đầu tư quốc gia trong phát triển kinh tế- xã hội.

3.3. Về chức năng, nhiệm vụ

Là đầu mối giúp Chính phủ thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, CTCP có vốn nhà nước.

Tham mưu với Chính phủ xây dựng chiến lược phát triển quốc gia với những ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Chỉ đạo, thúc đẩy cải cách, cải tổ DNNN, chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, người đại diện vốn nhà nước đảm bảo giá trị và tăng tài sản nhà nước.

Tham mưu với Chính phủ xây dựng thể chế chính sách về quản lý DNNN, CTCP có vốn nhà nước; phê duyệt điều lệ, chế độ liên quan đến doanh nghiệp và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua việc xác định lý luận liên quan đến quá trình QLNN về CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội, phân tích thực trạng, đánh giá hiệu quả QLNN về CPH, làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp hoàn thiện QLNN về CPH DNNN, luận án đã đạt được một số kết quả sau:

1. Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về cổ phần hóa và quản lý nhà nước đối với quá trình cổ phần hóa DNNN; nêu khái niệm CPH DNNN, từ đó làm rõ bản chất của CPH. Xác định các nội dung của QLNN đối với cổ phần hóa DNNN về định hướng chiến lược, kế hoạch của Nhà nước; cơ chế, chính sách, quy định pháp luật; kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật trong quá trình CPH DNNN; nguồn tài chính công; bộ máy, nhân lực để cổ phần hóa.

2. Đánh giá có căn cứ khoa học thực trạng công tác QLNN đối với CPH DNNN. Chỉ ra những tồn tại hạn chế về công tác tuyên truyền, vận động cho CPH; kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới DNNN; tồn tại trong áp dụng cơ chế, chính sách; sự bất cập về bộ máy QLNN; việc xác định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ cũng như xử lý tồn tại về tài chính trong quá trình CPH.

3. Với bối cảnh kinh tế quốc tế, trong nước và định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội trong những năm tới, cũng như quán triệt chỉ đạo của Chính phủ về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới DNNN là nền tảng để luận án xác định quan điểm, mục tiêu và đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN thuộc Thành phố.

4. Đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị với Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các Bộ, ngành nhằm góp phần thúc đẩy tái cơ cấu và sắp xếp DNNN ở bình diện Quốc gia.

Quản lý nhà nước về CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội là tổng thể các nội dung khá rộng và nhiều vấn đề phức tạp, luận án đã cố gắng trong việc đưa ra các quan điểm, nội dung cốt yếu, song do khả năng còn hạn chế nên vẫn còn những thiếu sót. Tác giả mong muốn tiếp tục nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học, nhà quản lý, các thầy, cô, chuyên gia trong lĩnh vực CPH DNNN để hoàn thiện các khiếm khuyết trong những nghiên cứu sau này, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về cổ phần hóa DNNN trong những năm tới ./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Hoàng Tuân (2009), Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (qua thực tiễn của thành phố Hà Nội), *Tạp chí Lịch sử Đảng (Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh)*, xuất bản tháng 7-2009, tr 67.

2. Hoàng Tuân (2014), Xử lý tồn tại tài chính nhằm thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hà Nội, *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, số ra tháng 9 năm 2014, tr 13.

3. Hoàng Tuân (2015), Các nhân tố ảnh hưởng tới cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, *Tạp chí Tài chính điện tử*, số 144 ra ngày 15/6/2015, tr 32.

4. Hoàng Tuân (2015), Một số giải pháp đẩy mạnh tiến trình cổ phần hóa tại thành phố Hà Nội, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2- tháng 6/2015, tr 33.

